

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG HBM VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG HBM VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HBM VIETNAM CONSTRUCT TRADING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: HBM VIET NAM .,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0110665021

3. Ngày thành lập:

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Đường 23, thôn Phú Hữu, Xã Thanh Lâm, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống thiết bị trong công trình nhà và công trình xây dựng khác như: Thang máy, thang cuốn; Cửa cuốn, cửa tự động; Dây dẫn chống sét; Hệ thống hút bụi; Hệ thống âm thanh; Hệ thống cách âm, cách nhiệt, chống rung Kinh doanh về thi công, lắp đặt hệ thống phòng cháy và chữa cháy	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: - Bán buôn xe có động cơ khác, loại mới và loại đã qua sử dụng như: Ô tô chở khách loại trên 12 chỗ ngồi, ô tô vận tải, ô tô chuyên dụng	4511
6.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: - Bán buôn các loại phụ tùng, bộ phận, linh kiện của ô tô và xe có động cơ khác như: Săm, lốp, ắc quy, đèn, các phụ tùng điện, nội thất ô tô và xe có động cơ	4530
7.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa, môi giới mua bán hàng hóa (Loại trừ môi giới chứng khoán, bảo hiểm)	4610
8.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo	4634
9.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641

10.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu	4649
11.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
12.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
13.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
14.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu	4659
15.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
16.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (loại trừ hoạt động kinh doanh vàng miếng, vàng nguyên liệu)	4662
17.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
18.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
19.	Trồng cây ăn quả	0121
20.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
21.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
22.	Khai thác gỗ	0220
23.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0231
24.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
25.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh	8299
26.	Đào tạo sơ cấp	8531
27.	Đào tạo trung cấp	8532
28.	Lập trình máy vi tính	6201
29.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
30.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
31.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
32.	Cổng thông tin	6312

33.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Các dịch vụ thông tin qua điện thoại; Các dịch vụ tìm kiếm thông tin qua hợp đồng hay trên cơ sở phí. (Trừ các loại thông tin Nhà nước cấm và dịch vụ điều tra)	6399
34.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn đầu tư (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán);	6619
35.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Hoạt động kiến trúc - Hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước - Hoạt động đo đạc và bản đồ - Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác - Lập thiết kế quy hoạch xây dựng - Lập, thẩm tra dự án đầu tư xây dựng - Tư vấn quản lý dự án - Khảo sát xây dựng - Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình - Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình, kiểm định xây dựng - Giám sát thi công xây dựng công trình - Tư vấn thiết kế, tư vấn thẩm định, tư vấn giám sát về phòng cháy và chữa cháy - Tư vấn kiểm tra, kiểm định kỹ thuật về phòng cháy và chữa cháy - Tư vấn chuyển giao công nghệ phòng cháy và chữa cháy; huấn luyện, hướng dẫn về nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy	7110
36.	Quảng cáo	7310
37.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
38.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
39.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Hoạt động phiên dịch; - Hoạt động môi giới thương mại, sắp xếp có mục đích và bán ở mức nhỏ và trung bình, bao gồm cả thực hành chuyên môn, không kể môi giới bất động sản; - Hoạt động môi giới bản quyền (sắp xếp cho việc mua và bán bản quyền); - Tư vấn về công nghệ khác; - Hoạt động tư vấn khác trừ tư vấn kiến trúc, kỹ thuật và quản lý...	7490
40.	Cho thuê xe có động cơ Chi tiết: - Cho thuê xe chở khách (không có người lái đi kèm) - Cho thuê xe tải, bán romooc	7710
41.	Bán buôn tổng hợp (trừ loại nhà nước cấm)	4690

42.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
43.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
44.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
45.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
46.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
47.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
48.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
49.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (Theo quy định hiện hành của Nhà nước)	0810
50.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
51.	In ấn	1811
52.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
53.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
54.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
55.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
56.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
57.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
58.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
59.	Đúc sắt, thép	2431
60.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
61.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
62.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
63.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
64.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
65.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
66.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
67.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
68.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
69.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
70.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
71.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh (Loại trừ hoạt động đấu giá)	4774
72.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào lưu động hoặc tại chợ	4781
73.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782

74.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ	4783
75.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784
76.	Bán lẻ hàng văn hóa, giải trí lưu động hoặc tại chợ	4785
77.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ (trừ vàng, tem, tiền kim khí, hoạt động của đấu giá viên)	4789
78.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Loại trừ hoạt động đấu giá)	4791
79.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (Trừ hoạt động đấu giá)	4799
80.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
81.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
82.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
83.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
84.	Bốc xếp hàng hóa	5224
85.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
86.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường)	5510
87.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
88.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
89.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
90.	Xuất bản phần mềm (trừ hoạt động xuất bản phẩm)	5820
91.	Hoạt động viễn thông khác	6190
92.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
93.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
94.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: - Cho thuê máy móc và thiết bị xây dựng và kỹ thuật dân dụng không kèm người điều khiển; - Cho thuê máy móc và thiết bị văn phòng không kèm người điều khiển; - Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác chưa phân vào đâu được sử dụng như hàng hóa trong kinh doanh.	7730
95.	Điều hành tua du lịch	7912

96.	Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn Chi tiết: - Giám sát hoặc giám sát từ xa của hệ thống báo động an toàn điện tử, như báo trộm hoặc báo cháy, bao gồm cả việc bảo dưỡng; - Lắp đặt, sửa chữa, làm lại và điều chỉnh thiết bị cơ khí hoặc điện tử, bộ phận khóa điện, kết an toàn	8020
97.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt Chi tiết: - Vệ sinh bên ngoài cho tất cả các công trình, bao gồm các văn phòng, nhà máy, cửa hàng, cơ quan và các khu nhà đa mục tiêu khác - Vệ sinh bể bơi hoặc bảo dưỡng - Vệ sinh máy móc công nghiệp - Vệ sinh đường xá - Dịch vụ tẩy uế và tiệt trùng, phòng chống mối mọt	8129
98.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
99.	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	3230
100.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Kinh doanh về sản xuất, lắp ráp phương tiện, thiết bị phòng cháy và chữa cháy	3290
101.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
102.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
103.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
104.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
105.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
106.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
107.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
108.	Thoát nước và xử lý nước thải Chi tiết: Thoát nước Xử lý nước thải	3700
109.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
110.	Thu gom rác thải độc hại Chi tiết: Thu gom rác thải y tế Thu gom rác thải độc hại khác	3812
111.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
112.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
113.	Xây dựng nhà để ở	4101(Chính)
114.	Xây dựng nhà không để ở	4102
115.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
116.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
117.	Xây dựng công trình điện	4221

118.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
119.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
120.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
121.	Xây dựng công trình thủy	4291
122.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
123.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
124.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
125.	Phá dỡ	4311
126.	Chuẩn bị mặt bằng (Không gồm dịch vụ nổ mìn; hoạt động rà phá bom, mìn)	4312
127.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
128.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
129.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
130.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
131.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ đồ ngũ kim trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ kính xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi, sắt thép và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
132.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
133.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
134.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
135.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
136.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
137.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
138.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772

139.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ hoa, cây cảnh, cá cảnh, chim cảnh, vật nuôi cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ đồng hồ, kính mắt trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ máy ảnh, phim ảnh và vật liệu ảnh trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ xe đạp và phụ tùng trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ hàng hóa khác mới chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh Kinh doanh phương tiện, thiết bị, vật tư phòng cháy và chữa cháy	4773
------	--	------

6. **Vốn điều lệ:** 15.000.000.000 VNĐ
- Mệnh giá cổ phần:
7. **Số cổ phần được quyền chào bán:** 1.500.000
8. **Cổ đông sáng lập:**

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN THỊ MAI	TDP4 Đạm Nội, Phường Tiền Châu, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	750.000	7.500.000.000	50,000	0011790351 42	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	750.000	7.500.000.000	50,000		

2	NGUYỄN TIẾN TÂN	TDP4 Đạm Nội, Phường Tiên Châu, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	375.000	3.750.000.000	25,000	026075011884
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	375.000	3.750.000.000	25,000	
3	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	Thôn Phú Hữu, Xã Thanh Lâm, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	375.000	3.750.000.000	25,000	001185020492
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	375.000	3.750.000.000	25,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN THỊ MAI

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 23/05/1979

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001179035142

Ngày cấp: 09/01/2023

Nơi cấp: *Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *TDP4 Đạm Nội, Phường Tiền Châu, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *TDP4 Đạm Nội, Phường Tiền Châu, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội